TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ
TỔ: NGỮ VĂN

Đề có: 01 trang

ĐỀ KIỂM TRA LẠI
NĂM HỌC: 2021 - 2022
MÔN: NGỮ VĂN 10
Thời gian làm bài: 90 phút
(Không kể thời gian phát đề)

Họ và tên học sinh:.....Số báo danh.....Lớp.....

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Nếu bước chân vào bất kì bệnh viện nào và hỏi bác sĩ về "bệnh vô cảm", chắc chắn bạn sẽ không nhận được câu trả lời. Bởi đó là căn bệnh tồn tại ngoài xã hội chứ không phải đơn thuần trên giường bệnh. "Bệnh vô cảm" là tình trạng chai sạn của tâm hồn, là thái độ sống thờ ơ, lãnh đạm trước những gì diễn ra xung quanh mình. Đáng sợ hơn là nó diễn ra ngay cả trước những đau khổ, mất mát của con người. Một ngày, bạn không còn biết yêu thương và cũng không căm ghét, không cảm nhận được hạnh phúc và cũng không động lòng trước đau khổ, không có khát vọng sống ý nghĩa... thì ắt hẳn, bạn đang có những "triệu chứng" của căn bệnh vô cảm đáng sợ kia. Nó không làm con người ta đau đớn hay chết đi về thể xác nhưng lại làm trái tim và tâm hồn chết dần trong sự lạnh lẽo. Và phải chăng "cái chết không phải là điều mất mát lớn nhất trong cuộc đời, sự mất mát lớn nhất là bạn để tâm hồn tàn lụi ngay khi còn sống" như lời Nooc-man Ku-sin đã khẳng định?.

(Theo *Bài tập Ngữ văn 12,* Tập hai, NXB GD, 2013)

Câu 1(0,75đ). Câu văn nào đã định nghĩa về "*bệnh vô cảm*"?

Câu 2(0,75đ). Theo tác giả, *bệnh vô cảm* có những triệu chứng gì?

Câu 3(1,0đ). Hãy xác định nội dung của văn bản trên?

Câu 4(1,5đ). Thông điệp nào có ý nghĩa nhất mà anh/chị rút ra từ văn bản trên. Vì sao?

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Cảm nhận tâm trạng Thúy Kiều khi trao duyên cho Thúy Vân qua đoạn thơ sau:

Cậy em em có chịu lời,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
Giữa đường đứt gánh tương tư,
Keo loan chắp mối tơ thừa mặc em.
Kể từ khi gặp chàng Kim
Khi ngày quạt ước khi đêm chén thề.
Sự đâu sóng gió bất kì,
Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai.
Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu mủ, thay lời nước non.
Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.

(*Trao duyên*, trích Truyện Kiều – Nguyễn Du*, SGK Ngữ văn 10, tập 2)*

----------Hết----------

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA LẠI
MÔN: NGỮ VĂN 10

I. Hướng dẫn chung

1. Giám khảo cần nắm vững các yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh đếm ý cho điểm

2. Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giám khảo cần chủ động, linh hoạt áp dụng đáp án và thang điểm, khuyến khích những bài làm có cảm xúc, sáng tạo

3. Việc chi tiết hóa điểm số phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi ý, mỗi câu và được thống nhất trong Hội đồng chấm.

II. Đáp án và thang điểm

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)	**1.**	-*"Bệnh vô cảm là tình trạng chai sạn của tâm hồn, là thái độ sống thờ ơ, lãnh đạm trước những gì diễn ra xung quanh mình"*	0.75
	2.	- Theo tác giả, những *triệu chứng* của thói vô cảm: *không còn biết yêu thương và cũng không căm ghét, không cảm nhận được hạnh phúc và cũng không động lòng trước đau khổ, không có khát vọng sống ý nghĩa...*	0.75
	3.	- Nội dung của văn bản: Bàn về *"bệnh vô cảm"* và sự nguy hại của *"bệnh vô cảm*" trong cuộc sống của con người.	1.0
	4.	HS có thể lựa chọn thông điệp có ý nghĩa nhất và lí giải hợp lí với gợi ý sau: - Mỗi người cần ý thức sâu sắc về mối nguy hại của *"bệnh vô cảm*" để phòng chống căn bệnh này. - Để tấm lòng không thành ra sắt đá... - Để tâm hồn không lụi tàn ngay khi còn sống...	1.5
II. LÀM VĂN (6 điểm)		**Cảm nhận tâm trạng Thúy Kiều khi trao duyên cho Thúy Vân qua đoạn thơ sau:** *Cậy em em có chịu lời,* …… *Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.* *(Trao duyên*, trích Truyện Kiều – Nguyễn Du, *SGK Ngữ văn 10, tập 2)*	**6.0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: *Mở bài* nêu được vấn đề; *Thân bài* triển khai được vấn đề; *Kết bài* kết luận được vấn đề	0.5
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0.5
		c. *Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*: HS biết cách làm bài văn nghị luận văn học dạng cảm nhận một đoạn thơ. Đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức về tác giả, tác phẩm văn học, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng văn chương của mình để làm bài. Thí sinh có thể cảm nhận và kiến giải theo những cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ, có căn cứ xác đáng, không được thoát li văn bản. Đảm bảo các ý chính sau:	
		* Giới thiệu ngắn gọn về tác giả Nguyễn Du, tác phẩm *Truyện Kiều* và đoạn trích *Trao duyên*	0.5
		* Cảm nhận đoạn thơ:	

		- Tâm trạng Kiều khi mở lời trao duyên: *"Cậy em, em có chịu lời, ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa":* Kiều nhờ cậy Vân, lời nhờ cậy có sắc thái khác thường (*cậy, chịu lời, lạy, thưa*). → Lời xưng hô của Kiều vừa tin tưởng, trông cậy, vừa như nài ép, thắt buộc phù hợp để nói về vấn đề tế nhị "tình chị duyên em". - Gợi nhắc mối tình mặn nồng với chàng Kim: *"Giữa đường đứt gánh tương tư"* *"Mối tơ thừa"* *"Quạt ước, chén thề"* → Mối tình nồng nàn, thắm đượm nhưng mong manh, dang dở và đầy bất hạnh của Kim - Kiều. - Kiều giãi bày lí do đi đến quyết định trao duyên cho Vân + Gia đình gặp biến cố lớn *"sóng gió bất kì*". Kiều buộc phải lựa chọn giữa "hiếu" và "tình" -> Kiều đành chọn hi sinh tình yêu để giữ tròn chữ hiếu. → Kiều đã gợi ra tình cảnh ngang trái, khó xử của mình để Vân thấu hiểu, cảm thông mà nhận lời + "*Ngày xuân em hãy còn dài"* *Xót tình máu mủ thay lời nước non"* →Vân vẫn còn trẻ, tương lai còn dài, Kiều thuyết phục em bằng tình cảm máu mủ, ruột thịt. + *"Thịt nát xương mòn", " Ngậm cười chín suối"* : Kiều viện đến cả cái chết để vừa thắt buộc vừa thể hiện sự cảm kích thật sự của mình khi Vân nhận lời. →Lời nhờ cậy đầy lí lẽ và giàu sức thuyết phục khiến Thúy Vân không thể chối từ. => Thông qua tất cả những lý lẽ thấu tình, đạt lí mà Kiều đưa ra cho thấy Kiều là một người con gái thông minh, tinh tế, sắc sảo, giàu tình cảm, có đức hi sinh, một người con hiếu thảo và trọng tình nghĩa.	1.0 1.0 1.5
		*** Đặc sắc nghệ thuật** - Khả năng sử dụng ngôn ngữ tài tình, điêu luyện, tinh tế, giàu giá trị biểu đạt - Sử dụng các thành ngữ dân gian, các điển tích, điển cố và hình ảnh ẩn dụ đầy sáng tạo - Giọng thơ nhẹ nhàng, da diết, sâu lắng, giàu cảm xúc, lập luận chặt chẽ	0,5
		d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo qui tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
		e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện được suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ, phù hợp với đặc trưng tiếp nhận văn học.	0.25
		ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10 điểm	